

Số: **6 286** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **30** tháng **11** năm **2011**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện tiêu chí số 4 (điện nông thôn) và tiêu chí số 7 (chợ nông thôn) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2020 của Bộ Công Thương**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện tiêu chí số 4 (điện nông thôn) và tiêu chí số 7 (chợ nông thôn) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 của Bộ Công Thương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BCĐTU Chương trình MTQGNTM (để b/c);
- Bộ trưởng Vũ Huy Hoàng (để b/c);
- Ban Chỉ đạo CT MTQGNTM tỉnh, thành phố;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (để thực hiện);
- Các Cục, Vụ, TCNL;
- Lưu: VT, CNĐP (3).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Hoàng Quốc Vượng**

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện tiêu chí số 4 (điện nông thôn) và tiêu chí số 7 (chợ nông thôn) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2020 của Bộ Công Thương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **6 286** /QĐ-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Thực hiện Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) về xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2010 – 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình), Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành kế hoạch thực hiện tiêu chí số 4 (điện nông thôn) và tiêu chí số 7 (chợ nông thôn) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2020 như sau:

**PHẦN I****ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐIỆN NÔNG THÔN VÀ CHỢ NÔNG THÔN****I. THỰC TRẠNG VỀ ĐIỆN NÔNG THÔN (tiêu chí số 4)**

Đến ngày 30/9/2011, trên địa bàn cả nước có tổng số 9.063 xã (giảm 21 xã so với số liệu của Tổng cục thống kê tháng 31/12/2010 là 9.084 xã, do thay đổi số đơn vị hành chính của các tỉnh Bình Dương, Quảng Ninh và Bà Rịa Vũng Tàu). Cả nước, hiện có 3.545 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm 39,12%; có 5.959 xã, chiếm 65,75% đạt chỉ tiêu tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn; có 5.398 xã, chiếm tỷ lệ 59,56% đạt chỉ tiêu về hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

Phân theo khu vực: (1) Khu vực Trung du miền núi phía Bắc gồm 14 tỉnh, có tổng số 2.274 xã; trong đó: có 668 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm 29,38%; đây là một trong hai vùng có tỷ lệ đạt tiêu chí thấp nhất toàn quốc; nguyên nhân chủ yếu do vùng có diện tích rộng, đồi núi hiểm trở, địa bàn khó khăn, dân cư thưa thớt, suất đầu tư lớn, hiệu quả kinh doanh thấp (như tỉnh Điện Biên chỉ có 12/98 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm 12,24% tổng số xã của tỉnh). Trong khu vực có 1.270 xã, chiếm 55,85% đạt chỉ tiêu tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn; có 1.615 xã, chiếm tỷ lệ 71,02% đạt chỉ tiêu về hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. (2) Khu vực Đồng bằng Sông Hồng gồm 11 tỉnh, thành phố, có tổng số 1.942 xã, trong đó

có 896 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm 46,14%. Trong khu vực có 1.508 xã, chiếm 77,65% đạt chỉ tiêu tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn; có 1.031 xã, chiếm tỷ lệ 53,09% đạt chỉ tiêu về hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. (3) Khu vực Bắc Trung Bộ gồm 06 tỉnh, có tổng số 1.625 xã, trong đó có 477 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm 29,35%; đây là khu vực đạt tiêu chí số 4 thấp nhất cả nước, vẫn còn một số xã chưa có điện như Nghệ An (có 03 xã); có 1.284 xã, chiếm 79,02% đạt chỉ tiêu tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn; có 596 xã, chiếm tỷ lệ 36,68% đạt chỉ tiêu về hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. (4) Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ gồm 08 tỉnh, thành phố, có tổng số 849 xã, trong đó có 424 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm 49,94%. Trong khu vực có 650 xã, chiếm 76,59% đạt chỉ tiêu tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn; có 474 xã, chiếm tỷ lệ 55,83% đạt chỉ tiêu về hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. (5) Khu vực Tây Nguyên gồm 05 tỉnh, có tổng số 598 xã, trong đó có 398 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm 66,56%; có 361 xã, chiếm 60,37% đạt chỉ tiêu tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn; có 523 xã, chiếm tỷ lệ 87,46% đạt chỉ tiêu về hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. (6) Khu vực Đông Nam Bộ gồm 06 tỉnh, thành phố, có tổng số 471 xã, trong đó có 208 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm 44,16%; có 208 xã, chiếm 44,16% đạt chỉ tiêu tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn; có 266 xã, chiếm tỷ lệ 56,48% đạt chỉ tiêu về hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. (7) Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long gồm 13 tỉnh, thành phố, có tổng số 1.304 xã, trong đó có 474 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm 36,35%; có 678 xã, chiếm 51,99% đạt chỉ tiêu tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn; có 983 xã, chiếm tỷ lệ 68,48% đạt chỉ tiêu về hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

Phần lớn hệ thống lưới điện nông thôn trên địa bàn cả nước được xây dựng từ khá lâu, bằng nhiều nguồn vốn khác nhau và được quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Điện lực năm 2004. Mặc dù hiện nay, các hộ sử dụng điện vẫn được đảm bảo thường xuyên, nhưng hệ thống điện chưa đảm bảo kỹ thuật, tổn thất lớn, chất lượng điện áp kém, làm giảm chất lượng sử dụng điện của nhân dân. Nhất là các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, và Bắc Trung bộ tỷ lệ số hộ có điện còn thấp, số thôn bản, số hộ chưa có điện chủ yếu là các thôn bản vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có điều kiện địa hình giao thông vô cùng khó khăn, nằm xa lưới điện, dân cư phân tán nên việc cung cấp điện cho khu vực này đạt được tiêu chí số 4 là rất tốn kém và cực kỳ khó khăn với chi phí rất cao và suất đầu tư lớn. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù, điện là “mặt hàng” thiết yếu liên quan trực tiếp đến sinh hoạt, sản xuất của đại bộ phận nhân dân, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước nên hệ thống kỹ thuật điện nói chung, điện nông thôn nói riêng luôn được quan tâm đầu tư, nâng cấp và cải tạo để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của nhân dân (*Số liệu chi tiết tại Biểu số 01*).

## II. THỰC TRẠNG VỀ CHỢ NÔNG THÔN (tiêu chí số 7)

Theo báo cáo của Sở Công Thương 63 tỉnh, thành phố, đến ngày

30/10/2011, hiện trên địa bàn cả nước có 6.572 xã có chợ, chiếm 72,51% số xã, trong đó có 1.343 xã có chợ đạt tiêu chí số 7, chiếm 14,82%, còn 2.491 xã chưa có chợ, chiếm 27,49%.

Chi tiết theo từng vùng như sau: Khu vực Trung du miền núi phía Bắc có 1.189 xã có chợ, chiếm 52,29% số xã, trong đó có 296 xã có chợ đạt tiêu chí số 7, chiếm 13,02%, còn 1.085 xã chưa có chợ, chiếm 47,71%; Khu vực Đồng bằng Sông Hồng có 1.454 xã có chợ, chiếm 74,87%, trong đó có 232 xã có chợ đạt tiêu chí số 7, chiếm 11,93%, còn 488 xã chưa có chợ chiếm 25,13%; Khu vực Bắc Trung bộ có 1.220 xã có chợ, chiếm 75,08%, trong đó có 297 xã có chợ đạt tiêu chí số 7, chiếm 18,28%, còn 405 xã chưa có chợ, chiếm 24,92%; Khu vực Duyên hải Nam Trung bộ có 789 xã có chợ, chiếm 92,93%, trong đó có 62 xã có chợ đạt tiêu chí số 7, chiếm 7,30%, còn 60 xã chưa có chợ, chiếm 7,07%; Khu vực Tây Nguyên có 249 xã có chợ, chiếm 41,64%, trong đó có 113 xã có chợ đạt tiêu chí số 7, chiếm 18,90%, còn 349 xã chưa có chợ, chiếm 58,36%; Khu vực Đông nam Bộ có 443 xã có chợ, chiếm 94,06%, trong đó có 115 xã có chợ đạt tiêu chí số 7, chiếm 24,42%, còn 28 xã chưa có chợ, chiếm 5,94%; Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có 1.228 xã có chợ, chiếm 94,17%, trong đó có 228 xã có chợ đạt tiêu chí số 7, chiếm 17,48%, còn 76 xã chưa có chợ chiếm 5,83%.

Theo đánh giá của các địa phương, đa số các chợ khu vực nông thôn là những chợ tạm, công tác quản lý, phát triển chợ nông thôn theo các quy định tại Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 và Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 gặp rất nhiều khó khăn do phong tục, tập quán của người dân khu vực nông thôn, do nhận thức, hiểu biết, điều kiện cơ sở hạ tầng, nguồn lực còn nhiều hạn chế...(Số liệu chi tiết tại Biểu số 02).

## PHẦN II

### KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

#### I. QUAN ĐIỂM

Phát huy mọi nguồn lực hoàn thành ở mức cao nhất 2 tiêu chí (điện nông thôn và chợ nông thôn), góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 5 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2010- 2020.

Với quan điểm cung ứng đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng điện cho sinh hoạt và sản xuất, xây dựng và phát triển hệ thống chợ nông thôn, hạ tầng thương mại nông thôn, nhằm góp phần phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho người dân khu vực nông thôn; ngành công

thương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM phấn đấu cố gắng đạt được tiêu chí số 4 (điện nông thôn) và tiêu chí số 7 (chợ nông thôn) trong thời gian sớm nhất, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của Chương trình nhằm triển khai thực hiện các tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM (ban hành kèm theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ) thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trong hai lĩnh vực chủ yếu là điện nông thôn, chợ nông thôn; phù hợp với mục tiêu của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 ban hành theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

### 2. Mục tiêu cụ thể

a) Về điện nông thôn (*Số liệu chi tiết tại Biểu số 3*): Hoàn thiện hệ thống các công trình điện đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã NTM, với các mục tiêu cụ thể như sau:

- Đến năm 2015: có 7.709 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm 85% tổng số xã trên địa bàn cả nước. Trong đó, phấn đấu đạt 98% tỷ lệ hộ có điện sử dụng thường xuyên, an toàn từ các nguồn; có 85,06% số xã đạt chỉ tiêu về hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện (tăng 2.311 xã so với năm 2010);

- Đến năm 2020: có 8.624 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm có 95,16%. Trong đó, phấn đấu có 95% số xã đạt chỉ tiêu về hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện (tăng 3.226 xã so với năm 2010 và tăng 915 xã so với năm 2015).

b) Về chợ nông thôn (*Số liệu chi tiết tại Biểu số 4*): Phấn đấu số xã đạt tiêu chí số 7, cụ thể như sau:

- Đến năm 2015: phấn đấu có 3.203 xã đạt tiêu chí số 7 về chợ nông thôn, chiếm 35% tổng số xã trên địa bàn cả nước (tăng 1860 xã so với năm 2010);

- Đến năm 2020: phấn đấu có 4.526 xã đạt tiêu chí số 7 về chợ nông thôn, chiếm 50% tổng số xã trên địa bàn cả nước (tăng 1.323 xã so năm 2015).

## III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

### 1. Công tác thông tin, tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để các tầng lớp nhân dân, các cấp, các ngành hiểu rõ, nhận thức đúng, đầy đủ về mục đích, ý nghĩa của Chương trình MTQG về xây dựng NTM. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; kịp thời tuyên truyền, phổ biến, biểu dương những tổ chức, cá nhân điển hình, những kinh nghiệm hay trong công tĩnh xây dựng NTM. Từ đó, huy

động được sức mạnh của toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân, các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội cùng tham gia xây dựng nông thôn mới.

## 2. Xây dựng, hoàn thiện các văn bản QPPL và văn bản hướng dẫn

Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện lại các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 4 (điện nông thôn) và tiêu chí số 7 (chợ nông thôn) phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, vùng miền.

## 3. Về huy động các nguồn vốn thực hiện chương trình

### 3.1. Về điện nông thôn

- Ở Trung ương: Bộ Công Thương (trực tiếp là Tổng cục Năng lượng) phối hợp với các Bộ hướng dẫn cơ chế kết hợp nhiều phương thức huy động vốn, với phương châm "doanh nghiệp, Nhà nước và nhân dân; Trung ương và địa phương" cùng làm. Đồng thời, rà soát các nguồn vốn đầu tư, xây dựng kế hoạch cụ thể trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng điện nông thôn; ưu tiên bố trí nguồn vốn thực hiện theo kế hoạch xây dựng NTM của từng tỉnh, thành phố.

Đề xuất Chính phủ xem xét có cơ chế bố trí vốn ngân sách nhà nước hàng năm hoặc cấp vốn thông qua các dự án ODA, vốn vay ưu đãi để đầu tư điện nông thôn; đặc biệt là chính sách vốn ngân sách nhà nước đầu tư điện nông thôn cho các thôn, bản vùng sâu, vùng xa.

- Ở địa phương: các tỉnh, thành phố chủ động dành một phần ngân sách trong việc bổ sung với ngân sách Trung ương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, đồng thời huy động các nguồn lực khác để phối hợp triển khai thực hiện hoàn thành kế hoạch tiêu chí 4 đã đề ra.

Vận động, huy động nhân dân tích cực tham gia thực hiện tiêu chí số 4 như: đóng góp phần đền bù, tự giải phóng mặt bằng khi đầu tư các công trình điện; tham gia thực hiện và bảo vệ hành lang lưới điện, các công trình điện; đầu tư hệ thống điện gia đình sau công tơ và sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn.

### 3.2. Về chợ nông thôn

- Nguồn vốn Trung ương: Vụ Thị trường trong nước hướng dẫn Sở Công Thương các địa phương lập kế hoạch kinh phí hỗ trợ, đầu tư xây dựng chợ hàng năm, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương, gửi Bộ Kế hoạch Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

- Nguồn vốn địa phương: Các địa phương chủ động bố trí một phần ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cùng triển khai để hoàn thành kế hoạch đề ra. Xây dựng cơ chế để huy động, xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư xây dựng chợ đối với những địa bàn thuận lợi.

- Bộ Công Thương phối hợp Ban Chỉ đạo các tỉnh, thành phố, Sở Công Thương để hướng dẫn các địa phương thành lập Ban quản chợ nông thôn theo

Biểu số 01

**BIỂU TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG VỀ ĐIỆN NÔNG THÔN THEO TIÊU CHÍ SỐ 4  
TẠI QUYẾT ĐỊNH 491/QĐ-TTg (Phân theo vùng)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 628/QĐ-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)



TT	Tỉnh, thành phố	Tổng số xã	Tổng số xã đạt tiêu chí số 4		Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn			Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện			Ghi chú
			Số xã	Tỷ lệ (%)	Số xã đạt	Số xã chưa đạt	Tỷ lệ đạt (%)	Số xã đạt	Số xã chưa đạt	Tỷ lệ đạt (%)	
	A	1	2	3=2/1	4	5	6=4/1	7	8	9=7/1	10
1	TDMN phía Bắc	2274	668	29,38	1270	1004	55,85	1615	659	71,02	
2	Đồng bằng Sông Hồng	1942	896	46,14	1508	434	77,65	1031	911	53,09	
3	Bắc Trung Bộ	1625	477	29,35	1284	341	79,02	596	1029	36,68	
4	Duyên hải Nam TB	849	424	49,94	650	199	76,56	474	375	55,83	
5	Tây Nguyên	598	398	66,56	361	237	60,37	523	75	87,46	
6	Đông Nam Bộ	471	208	44,16	208	263	44,16	266	205	56,48	
7	ĐB sông Cửu Long	1304	474	36,35	678	626	51,99	893	411	68,48	
	<b>Cả nước</b>	<b>9063</b>	<b>3545</b>	<b>39,12</b>	<b>5959</b>	<b>3104</b>	<b>65,75</b>	<b>5398</b>	<b>3665</b>	<b>59,56</b>	

Nguồn : Tổng hợp báo cáo từ các Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trên cả nước

Biểu số 02

**BIỂU TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG VỀ CHỢ NÔNG THÔN THEO TIÊU CHÍ SỐ 7  
TẠI QUYẾT ĐỊNH 491/QĐ-TTg (Phân theo vùng)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **6.286** /QĐ-BCT ngày **30** tháng **11** năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)



TT	Tỉnh, thành phố	Tổng số xã	Tổng số xã chưa có chợ		Tổng số xã có chợ		Số xã có chợ đạt tiêu chí số 7		Số xã có chợ chưa đạt tiêu chí số 7			
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Trong đó chợ có diện tích		Khác
										DT≥3000m <sup>2</sup>	DT≥1500m <sup>2</sup>	
A		1	2	3=2/1	4	5=4/1	6	7=6/1	8	9	10	11
1	TDMN phía Bắc	2274	1085	47,71	1189	52,29	296	13,02	893	71	801	21
2	Đồng bằng Sông Hồng	1942	488	25,13	1454	74,87	232	11,95	1222	993	222	7
3	Bắc Trung Bộ	1625	405	24,92	1220	75,08	297	18,28	923	680	243	0
4	Duyên hải Nam TB	849	60	7,07	789	92,93	62	7,30	727	470	221	36
5	Tây Nguyên	598	349	58,36	249	41,64	113	18,90	136	8	128	0
6	Đông Nam Bộ	471	28	5,94	443	94,06	115	24,42	328	209	85	34
7	ĐB sông Cửu Long	1304	76	5,83	1228	94,17	228	17,48	1000	416	456	128
	<b>Cả nước</b>	<b>9063</b>	<b>2491</b>	<b>27,49</b>	<b>6572</b>	<b>72,51</b>	<b>1343</b>	<b>14,82</b>	<b>5229</b>	<b>2847</b>	<b>2156</b>	<b>226</b>

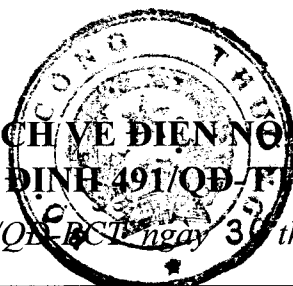
Nguồn : Tổng hợp báo cáo từ các Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trên cả nước



Biểu số 03

**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỀ ĐIỆN NÔNG THÔN THEO TIÊU CHÍ SỐ 4  
TẠI QUYẾT ĐỊNH 491/QĐ-PTg (Phân theo vùng)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **6 286** /QĐ-BCĐ ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)



TT	Tỉnh, thành phố	Tổng số xã	Số xã đạt	Số xã chưa đạt	Giai đoạn 2011 - 2015					Số xã đạt tiêu chí 4 đến 2015		Giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Số xã	Tỷ lệ(%)		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9/1	10	11
1	TDMN phía Bắc	2274	668	1606	218	196	210	215	262	1769	77,79	392	
2	Đồng bằng Sông Hồng	1942	896	1046	191	200	171	149	165	1772	91,25	73	
3	Bắc Trung Bộ	1625	477	1168	228	178	120	93	195	1291	79,45	253	
4	Duyên hải Nam TB	849	424	425	47	62	63	67	82	745	87,75	62	
5	Tây Nguyên	598	398	200	21	49	54	30	18	570	95,32	10	
6	Đông Nam Bộ	471	208	255	56	50	42	35	45	436	92,57	12	
7	ĐB sông Cửu Long	1304	474	830	140	125	128	133	126	1126	86,35	113	
	<b>Cả nước</b>	<b>9063</b>	<b>3545</b>	<b>5530</b>	<b>901</b>	<b>860</b>	<b>788</b>	<b>722</b>	<b>893</b>	<b>7709</b>	<b>85,06</b>	<b>915</b>	

Nguồn : Tổng hợp từ kế hoạch của các Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trên cả nước

Biểu số 04

**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỀ CHỢ NÔNG THÔN THEO TIÊU CHÍ SỐ 7  
TẠI QUYẾT ĐỊNH 491/QĐ-TTg (Phân theo vùng)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6 286/QĐ-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

TT	Tỉnh, thành phố	Tổng số xã	Tổng số xã chưa đạt	Tổng số xã đạt	Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015					Tổng đạt 2011-2015		Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2020-2025	Ghi chú
					Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Số lượng	Tỷ lệ (%)			
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9/1	11	12	13
1	TDMN phía Bắc	2274	1978	296	53	72	75	69	79	348	15,30	493	1137	
2	Đồng bằng Sông Hồng	1942	1710	232	71	83	87	103	115	459	23,64	280	971	
3	Bắc Trung Bộ	1625	1328	297	49	72	79	70	72	342	21,05	173	813	
4	Duyên hải Nam TB	849	787	62	27	34	34	32	44	171	20,14	191	425	
5	Tây Nguyên	598	485	113	35	31	25	18	35	144	24,08	42	299	
6	Đông Nam Bộ	471	356	115	16	18	14	19	21	88	18,68	28	240	
7	ĐB sông Cửu Long	1304	1076	228	60	64	70	59	55	308	23,62	116	652	
	<b>Cả nước</b>	<b>9063</b>	<b>7720</b>	<b>1343</b>	<b>311</b>	<b>374</b>	<b>384</b>	<b>370</b>	<b>421</b>	<b>1860</b>	<b>20,52</b>	<b>1323</b>	<b>4537</b>	

Nguồn : Tổng hợp từ kế hoạch của các Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trên cả nước